TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 89/2019/ HNGĐ-PT

Ngày: 06/6 /2019

V/v tranh chấp:hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội
Với thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: **Bà Bùi Thị Thu Hồng**

Các Thẩm phán : **Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền**

Ông Phan Quyết Thắng

Thư ký ghi biên bản phiên tòa : **Bà Đinh Thúy Hương- Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội.**

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội: **Bà Bùi Thị Hạnh -Kiểm sát viên.**

Ngày 06 tháng 06 năm 2019 Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình phúc thẩm thụ lý số 47/2019/TLPT- HN&GĐ ngày 07 tháng 03 năm 2019 vụ án Ly hôn. Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 01/2019/HN&GĐ-ST ngày 17/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 67/2019/QĐPT- HN&GĐ ngày 22/03/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2019/QĐ-HPT ngày 18/4/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 62/2019/QĐ-HPT ngày 15/5/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Đỗ Hữu C, sinh năm 1979

Trú tại: Cụm 6, xã TH, huyện P, thành phố Hà Nội.

(Có mặt)

Bị đơn : Chị Nguyễn Thị X, sinh năm 1981

Trú tại: Số 03, ngõ 44, phố PĐL, Tổ 16, phường Láng Thượng, quận Đ, thành phố Hà Nội. *(Có mặt)*

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Chị Nguyễn Thị Hạnh, sinh năm 1977

Địa chỉ: Đội 1, xã ĐT, huyện ĐP, thành phố Hà Nội. *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm thì vụ án có nội dung như sau:

Anh Đỗ Hữu C và chị Nguyễn Thị X kết hôn do tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TH, huyện P, thành phố Hà Nội vào ngày 11/9/1999. Hiện nay vợ chồng có 03 con chung là cháu Đỗ Hữu T, sinh ngày 08/2/2000, cháu Đỗ Thị Đ, sinh ngày 07/01/2008 và cháu Đỗ Kim N, sinh ngày 26/3/2010.

Theo anh C thì trong quá trình chung sống, anh chị sống với nhau nhưng không hạnh phúc do vợ chồng hay bất đồng, cãi vã. Mâu thuẫn phát sinh từ năm 2013. Nguyên nhân do chị X có quan hệ bất chính. Từ đó vợ chồng thường xuyên xẩy ra xô sát, chị X bỏ đi ngày 02/8/2013 (âm lịch). Vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Tháng 3 năm 2014, chị X làm đơn xin ly hôn, sau đó tòa án huyện P hòa giải thì chị X lại rút đơn và Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án.

Sau đó, tình trạng vợ chồng vẫn căng thẳng, anh chị không cùng chung sống một nhà, chị X đã bỏ đi ở ngôi nhà mà vợ chồng mua ở nội thành Hà Nội. Anh thấy vợ chồng không còn tình cảm với nhau và không thể tiếp tục chung sống nữa nên xin được ly hôn với chị X.

Theo chị X thì nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng cãi nhau, anh C đánh đập chị nhiều lần. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2013 đến nay. Chị đưa 3 con đi thuê nhà ở nội thành Hà Nội ở rồi ở nhờ nhà anh bạn, đến tháng 6/2017 thì chuyển đến ở ngôi nhà mua tại phố PĐL, phường Láng Thượng, quận Đ, thành phố Hà Nội là nhà mà vợ chồng chị mua từ tháng 7/2012. Mẹ con chị chưa đăng ký tạm trú tại đó, do vậy, mẹ con chị vẫn có hộ khẩu tại xã TH, huyện P. Chị đồng ý để Tòa án nhân dân huyện P giải quyết vụ án.

Tháng 3 năm 2014, chị đã làm đơn xin ly hôn anh C, quá trình giải quyết vụ án Tòa án huyện P hòa giải thì chị đã rút đơn và tòa án đình chỉ giải quyết vụ án nhưng sau đó anh C không thay đổi, vẫn chứng nào tật đó, vì vậy vợ chồng không đoàn tụ được.

Đến nay, anh C làm đơn xin ly hôn, chị thấy rằng tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không còn tồn tại nhiều năm nay nên chị đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh C, chị X có ba con chung. Cháu lớn là Đỗ Hữu T, sinh ngày 08/2/2000, cháu thứ hai là Đỗ Thị Đ, sinh ngày 07/01/2008, cháu thứ ba là Đỗ Thị Kim N, sinh ngày 26/3/2010. Cháu T đã đủ 18 tuổi. Anh C xin được nuôi cả 2 cháu Đ và Ngọc, không yêu cầu chị X cấp dưỡng nuôi con. Nếu không được thì anh xin nuôi cháu N.

Chị X đề nghị Tòa án hỏi ý kiến các cháu và giải quyết theo nguyện vọng của các cháu. Nếu hai cháu Đ và Ngọc muốn ở với mẹ thì chị có yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con theo mức 1.000.000đ/1tháng/1 cháu. Nếu 2 cháu ở với bố, chị cũng sẽ cấp dưỡng nuôi con theo mức 1.000.000 đ/1 tháng/ 1 cháu. Hiện tại cả ba cháu đang ở với chị X.

Về tài sản chung: Anh chị thống nhất có các tài sản chung gồm:

- 01 ngôi nhà 06 tầng tại số 03 ngõ 44, phố PĐL, Tổ 16, phường Láng Thượng, quận Đ, thành phố Hà Nội trên thửa đất diện tích 36,6m2. Đất nhà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BL 664-4536, sổ cấp GCN: CH 01503 5686.2012/QĐ-UBND, số thửa 46-2, tờ bản đồ số 6E-II-02, được UBND quận Đ cấp ngày 24/9/2012 cho người sử dụng đất và chủ sở hữu tài sản là ông Đỗ Hữu C và bà Nguyễn Thị X (trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi nhận nhà 02 tầng, kếu cấu bê tông, diện tích xây dựng 15,7m2, diện tích sàn 19,7m2 nhưng thực tế ngôi nhà này hiện nay là 06 tâng, diện tích mỗi tầng xây dựng hết đất). Ngôi nhà này hiện nay 4 mẹ con chị X đang ở. Bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất này anh C đang giữ.

- 01 ngôi nhà 02 tầng nằm trên 02 thửa đất lô số 31 và lô số 32, địa chỉ: Dốc nhà máy đường TH, xã TH, huyện P, thành phố Hà Nội. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 576602, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H01214, thửa số Lô 31, tờ bản đồ số 01 diện tích 80m2, do UBND huyện P cấp ngày 32/10/2007 cho chủ sử dụng đất là Hộ ông Đỗ Hữu C và bà Nguyễn Thị X và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 566296, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất : H01490, thửa số Lô 32, tờ bản đồ số 01 diện tích 80m2, do UBND huyện P cấp ngày 01/02/2008 cho chủ sử dụng đất là Hộ ông Đỗ Hữu C và bà Nguyễn Thị X. Hiện nay anh chị đã xây dựng nhà lên cả 02 lô đất này. Hiện nay chị Nguyễn Thị H đang thuê để bán hàng.

Bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của 02 lô đất này chị X đang giữ.

- 01 ngôi nhà 03 tầng, xây dựng trên diên tích đất 314m^2 tại cụm 6, xã TH (khu A nhà máy đường TH). Thửa đất này anh chị mua năm 2001 của ông Trần Huy T ở xã TH. Đất này hiện nay chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng hợp đồng chuyển nhượng và giấy tờ gốc của thửa đất thì chị X đang giữ.

Anh chị thống nhất được một phần về tài sản, cụ thể: Chị X sẽ tiếp tục sử dụng đất nhà tại số 03, Ngõ 44, phố PĐL, tổ 16, phường Láng Thượng, quận Đ; anh C sẽ tiếp tục sử dụng đất nhà tại cụm 6, xã TH (đất mua của ông Trần Huy T).

Đối với đất nhà tại hai lô đất 31,32 tại xã TH, anh C đề nghị chia đôi cho 02 vợ chồng, nhà trên đất chia đôi theo đất, còn chị X đề nghị chia thành 3 phần cho chị, anh C và 03 con được 1 phần.

Về công nợ: Anh chị không yêu cầu giải quyết

Chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị có thuê căn nhà 02 tầng của vợ chồng anh C, chị X tại Cụm 6, xã TH để kinh doanh bán quần áo. Chị có làm hợp đồng thuê nhà với anh C và có gọi điện trao đổi với chị X về việc thuê nhà. Thời hạn thuê là 02 năm từ tháng 07/2017 âm lịch. Chị có biết việc anh C và chị X đang làm thủ tục ly hôn tại Tòa án và anh chị có yêu cầu chia tài sản liên quan đến ngôi nhà chị đang thuê. Về vấn đề này, chị đề nghị Tòa án không đưa chị vào tham gia tố tụng, chị sẽ tự thu xếp và đề nghị Tòa án cứ tiến hành các thủ tục theo quy định của pháp luật để giải quyết vụ án, chị sẽ tự thỏa thuận với anh C, chị X và sẽ tự dọn đi khi cần thiết.

Cháu Đỗ Hữu T và cháu Đỗ Thị Đ khai: Việc mua đất làm nhà tại lô đất số 31,32 tờ bản đồ số 01 ở xã TH là do bố mẹ các cháu tạo lập được chứ các cháu còn nhỏ không tham gia, không có đóng góp gì. Chỉ là khi kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì được cấp cho hộ gia đình mà tại thời điểm đó hộ gia đình có tên các cháu.

Cháu Đỗ Thị Đ và cháu Đỗ Thị Kim N đều có nguyện vọng được ở với mẹ vì các cháu hiện đang ở với mẹ và đang đi học ổn định nên không muốn thay đổi.

Tại phiên tòa, anh C giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với chị X và vẫn tha thiết xin được nuôi 01 cháu, các bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Nếu cả 02 cháu ở với mẹ thì anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung theo yêu cầu của chị X. Anh C giữ yêu cầu về việc chia tài sản.

-Chị X đồng ý ly hôn với anh C và đồng ý nuôi cả hai cháu Đ và Ngọc, chị yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con theo mức 1.000.000 đ/1 tháng/ 1 cháu. Về tài sản. Chị đồng ý giao cho anh C tiếp tục sử dụng ngôi nhà và quyền sử dụng đất tại Cụm 6, xã TH, chị tiếp tục sử dụng ngôi nhà và quyền sử dụng đất tại số 03, ngõ 44 phố PĐL. Về 02 lô đất số 31,32, chị đề nghị chia cho cháu T một lô cho cháu Đ và Ngọc một lô.

Bản án số 01 ngày 17/1/2019 của Tòa án nhân dân huyện P, Hà Nội đã xét xử và quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Đỗ Hữu C. Anh Đỗ Hữu C được ly hôn chị Nguyễn Thị X.

-Về con chung: Giao cả 2 cháu Đỗ Thị Đ, sinh ngày 07/01/2008 và cháu Đỗ Thị Kim N, sinh ngày 26/3/2010 cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu dủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Buộc anh C cấp dưỡng nuôi con theo mức 1.000.000 đồng/1 tháng/1 cháu kể từ tháng 01/2019 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

+Về tài sản chung:

-Giao cho chị Nguyễn Thị X được sở hữu, sử dụng ngôi nhà và quyền sử dụng đất tại địa chỉ: số nhà 03, ngõ 44, Tổ 16, phường Láng Thượng, quận Đ, thành phố Hà Nội, thửa đất số 46-2 tờ bản đồ 6E-II-02, tổng diện tích 36,6m2 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL664536 do UBND quận Đ cấp cho ông Đỗ Hữu C và bà Nguyễn Thị X có tổng trị giá 3.666.881.000 đ (Ba tỷ, sáu trăm sáu mươi sáu triệu, tám trăm tám mươi mốt nghìn đồng). Anh C phải giao trả chị X bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất này.

Giao cho chị Nguyễn Thị X được sở hữu ,sử dụng ngôi nhà và quyền sử dụng đất tại lô đất số 32, địa chỉ Dốc nhà máy đường TH, xã Tạm Hiệp , huyện P, thành phố Hà Nội có giá trị 3.600.000.000đ (Ba tỷ, sáu trăm triệu đồng). Đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 566296, số vào sổ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H01490, thửa số Lô 32, tờ bản đồ số 01 diện tích 80m2, do UBND huyện P cấp ngày 01/02/2008 cho chủ sử dụng đất là Hộ ông Đỗ Hữu C và bà Nguyễn Thị X.

- Giao cho anh Đỗ Hữu C được sở hữu, sử dụng ngôi nhà, các tài sản gắn liền với đất và quyền sử dụng đất tại lô số 04, khu tập thể A Xí nghiệp đường giấy rượu ở cụm 6, xã TH, nay là thửa 784, tờ bản đồ số 01 diện tích 314m2 có tổng trị giá 3.640.000.000 đ (Ba tỷ, sáu trăm bốn mươi triệu đồng). Anh C phải thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước đối với diện tích đất chênh lệch là 239m2 khi thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau khi bản án của tòa án có hiệu lực pháp luật. Chị X phải giao lại bản chính quyết định giao đất và giấy tờ chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Trần Huy T và vợ chồng anh C chị X để anh C làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

-Giao cho anh Đỗ Hữu C được sở hữu, sử dụng ngôi nhà và quyền sử dụng đất tại lô đất số 31, địa chỉ Dốc nhà máy đường TH, xã TH, huyện P, thành phố Hà Nội. có giá trị 3.600.000.000 đ (Ba tỷ, sáu trăm triệu đồng). Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 676602, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H 01214, thửa số Lô 31, tờ bản đồ số 01, diện tích 80m^2, do UBND huyện P cấp ngày 23/10/2007 cho chủ sử dụng đất là Hộ ông Đỗ Hữu C và bà Nguyễn Thị X. Chị X phải giao lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất này cho anh C.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm ngày 28 tháng 01 năm 2019 chị Nguyễn Thị X làm đơn kháng cáo đề nghị tòa án cấp phúc thẩm xem xét định giá lại tất cả tài sản chung của hai vợ chồng; phân chia lại tài sản để đảm bảo quyền lợi của chị X và ba con.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; bị đơn không rút yêu cầu kháng cáo. Chị X yêu cầu Tòa phúc thẩm xem xét chia lại tài sản chung

vợ chồng, cho chị được sử dụng hai lô đất 31, 32 tại Dốc nhà máy đường TH, P, Hà Nội với lý do anh chị đã xây nhà trên toàn bộ thửa đất, kết cấu nhà, móng nhà không chia được, nếu chia mỗi người một lô sẽ dẫn đến việc phải phá bỏ toàn bộ ngôi nhà rất lãng phí tiền của và công sức của anh chị. Chị đồng ý chia cho anh C được sở hữu, sử dụng ngôi nhà và quyền sử dụng đất tại địa chỉ: số nhà 03, ngõ 44, Tổ 16, phường Láng Thượng, quận Đ, thành phố Hà Nội. Hiện tại giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà đất này anh C đang giữ.

Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội kết luận tại phiên tòa: Về tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về đơn kháng cáo của chị Nguyễn Thị X nằm trong hạn luật định. Về nội dung: Tại phiên tòa các bên đương sự không xuất trình các tài liệu chứng cứ mới, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị X, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

1- Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của chị Nguyễn Thị X trong thời hạn kháng cáo và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm là hợp lệ.

2- Về yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị X.

Chị X yêu cầu Tòa phúc thẩm xem xét phân chia lại tài sản chung cho anh chị.

Hội đồng xét xử xét thấy: Toàn bộ 4 khối tài sản gồm có 01 ngôi nhà 06 tầng tại số 03 ngõ 44, phố PĐL, Tổ 16, phường Láng Thượng, quận Đ, thành phố Hà Nội trên thửa đất diện tích 36,6m2;

- 01 ngôi nhà 02 tầng nằm trên 02 thửa đất lô số 31 và lô số 32, địa chỉ: Dốc nhà máy đường TH, xã TH, huyện P, thành phố Hà Nội. Bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của 02 lô đất này chị X đang giữ.

- 01 ngôi nhà 03 tầng, xây dựng trên diên tích đất 314m^2 tại cụm 6, xã TH (khu A nhà máy đường TH). Thửa đất này anh chị mua năm 2001 của ông Trần Huy T ở xã TH. Đất này hiện nay chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng hợp đồng chuyển nhượng và giấy tờ gốc của thửa đất chị X đang giữ.

Theo lời trình bày của các đương sự cũng như các tài liệu trong hồ sơ xác định nhà đất trên được anh C, chị X tạo dựng trong thời kỳ hôn nhân, công sức ngang nhau. Thời điểm mua nhà đất các con anh chị còn nhỏ, cũng không phải là nhà đất được cấp theo tiêu chuẩn hộ gia đình nên không có căn cứ để xác định đây là tài sản chung của gia đình bao gồm hai con của anh C và Chị X. Do vậy cấp sơ thẩm

xác định toàn bộ nhà đất trên là tài sản chung của anh C và chị X để chia cho mỗi người theo tỷ lệ 50/50 là có căn cứ.

Tuy nhiên theo biên bản xem xét thẩm định và định giá và lời khai của các đương sự, xác định: nhà đất tại hai lô đất ở Dốc nhà máy đường TH, đã xây nhà kiên cố 2 tầng, nền móng cho toàn bộ hai lô đất chung cho tòa nhà, nếu phân chia mỗi người ½ sẽ làm hỏng kết cấu ngôi nhà và để sử dụng phải phá dỡ toàn bộ ngôi nhà dẫn đến sự lãng phí không cần thiết. Xét giá trị hai lô đất 31 và 32 ở Dốc nhà máy đường TH, xã TH, huyện P, thành phố Hà Nội tương đương với giá trị hai khối tài sản là nhà đất tại nhà 6 tầng số 03 ngõ 44, phố PĐL, PĐL và nhà đất diện tích 314m^2 tại cụm 6, xã TH (khu A nhà máy đường TH). Hơn nữa, mâu thuẫn giữa hai anh chị Chung Xuyên rất gay gắt và trầm trọng, nếu phân chia không nhà đất không tách rời rõ ràng cũng làm cho mâu thuẫn anh chị ngày càng trở nên nghiêm trọng hơn.Vì vậy, cần chia lại tài sản chung là nhà đất cho anh C, chị X để phù hợp với thực tế, hoàn cảnh anh chị và quy định của pháp luật.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của chị X, sửa án sơ thẩm về việc chia tài sản chung vợ chồng giữa anh C và chị X.

-Về phần tình cảm, quyền nuôi con và vay nợ chung không có kháng cáo kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét và có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên cần sửa về cách tuyên án phần con chung để rõ ràng hơn.

- Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của chị X được chấp nhận nên không phải chịu án phí phúc thẩm.

Bởi các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 148; Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm số 01/2019/HNGĐ-PT ngày 17/1/2019 của Tòa án nhân dân huyện P, cụ thể như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Đỗ Hữu C. Anh Đỗ Hữu C được ly hôn chị Nguyễn Thị X.

2.Về con chung: Xác định anh C, chị X có ba con chung. Cháu lớn là Đỗ Hữu T, sinh ngày 08/2/2000, cháu thứ hai là Đỗ Thị Đ, sinh ngày 07/01/2008, cháu thứ ba là Đỗ Thị Kim N, sinh ngày 26/3/2010. Cháu T đã thành niên và đủ năng lực hành vi dân sự. Việc cháu ở với ai là quyền của cháu Tòa án không giải quyết. Giao

cả 2 cháu Đỗ Thị Đ và cháu Đỗ Thị Kim N cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Buộc anh C cấp dưỡng nuôi con theo mức 1.000.000 đồng/1tháng/1 cháu kể từ tháng 01/2019 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3.Về tài sản chung:

- Giao cho chị Nguyễn Thị X được sở hữu, sử dụng ngôi nhà và quyền sử dụng đất tại lô đất số 31, 32, địa chỉ Dốc nhà máy đường TH, xã Tạm Hiệp, huyện P, thành phố Hà Nội có giá trị 7.200.000.000đ (Bẩy tỷ, hai trăm triệu đồng). Đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 566296, số vào sổ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H01490, thửa số Lô 32, tờ bản đồ số 01 diện tích 80m2, do UBND huyện P cấp ngày 01/02/2008 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 576602, số vào sổ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H01214, thửa số Lô 31, tờ bản đồ số 01 diện tích 80m2, do UBND huyện P cấp ngày 13/10/2007 cho chủ sử dụng đất là Hộ ông Đỗ Hữu C và bà Nguyễn Thị X.

- Giao cho anh Đỗ Hữu C được sở hữu, sử dụng ngôi nhà, các tài sản gắn liền với đất và quyền sử dụng đất tại lô số 04, khu tập thể A Xí nghiệp đường giấy rượu ở cụm 6, xã TH, nay là thửa 784, tờ bản đồ số 01 diện tích 314m^2 có tổng trị giá 3.640.000.000 đ (Ba tỷ, sáu trăm bốn mươi triệu đồng). Anh C phải thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước đối với diện tích đất chênh lệch là 239m^2 khi thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau khi bản án của tòa án có hiệu lực pháp luật. Chị X phải giao lại bản chính quyết định giao đất và giấy tờ chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Trần Huy T và vợ chồng anh C chị X để anh C làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

-Giao cho anh Đỗ Hữu C được sở hữu, sử dụng ngôi nhà và quyền sử dụng đất tại địa chỉ: số nhà 03, ngõ 44, Tổ 16, phường Láng Thượng, quận Đ, thành phố Hà Nội, thửa đất số 46-2 tờ bản đồ 6E-II-02, tổng diện tích 36,6m^2 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL664536 do UBND quận Đ cấp cho ông Đỗ Hữu C và bà Nguyễn Thị X có tổng trị giá 3.666.881.000 đ (Ba tỷ, sáu trăm sáu mươi sáu triệu, tám trăm tám mươi mốt nghìn đồng).

4.Về án phí: Anh C phải chịu 300.000(Ba trăm nghìn) đồng án phí LHST; 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con và 115.306.000 đồng án phí dân sự, được trừ vào số tiền 38.300.000 đồng tạm ứng án phí anh C đã nộp tại biên lai số: 0005326 ngày 20/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, thành phố Hà Nội. Anh C còn phải nộp tiếp số tiền án phí là 77.609.000 đồng

Chị X phải chịu 115.200.000 án phí chia tài sản. Xác nhận chị X đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số

0005535 ngày 28/01/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P, nay chuyển thành án phí. Chị X còn phải nộp tiếp 114.900.000 đồng án phí dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày 06 tháng 6 năm 2019.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Thu Hồng

Nơi nhận:
- *Tòa án nhân dân huyện P*
- *VKSND TP Hà Nội;*
- *Chi cụcTHADS huyện P;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu VP, HSVA.*

Nơi gửi
- TAND huyện P, Hà Nội
- VKSND TP Hà Nội.
-UBND xã TH, P, Hà Nội
- Các đương sự
- Lưu

TM. Hội đồng xét xử phúc thẩm
Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa